ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /2024/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 19 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 18/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông

vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2226/TTr-SGTVT ngày 18 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2024.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

b) Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều tại Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ GTVT (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Lưu: VT, KT2Q.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 24 /2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định: Quản lý hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa và phục vụ vệ sinh môi trường bằng xe ô tô trên địa bàn đô thị trực thuộc tỉnh, đô thị trực thuộc cấp huyện.

2. Hoạt động vận tải trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh trùng với đường đô thị và vận tải phục vụ an ninh, quốc phòng không thuộc phạm vi điều chỉnh tại quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa và phục vụ vệ sinh môi trường bằng xe ô tô trong đô thị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Quy định này không áp dụng đối với xe của các cơ quan nhà nước trên địa bàn đô thị, xe của lực lượng vũ trang, xe phục vụ tang lễ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đô thị là các thành phố, thị xã, thị trấn được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thành lập, là trung tâm tổng hợp hay chuyên ngành có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng lãnh thổ nhất định.

2. Đường đô thị (đường phố) là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị, gồm lòng đường và hè phố.

3. Hoạt động vận tải bằng ô tô trong đô thị: là việc sử dụng xe ô tô để chở người, hàng hóa; vận chuyển vật liệu xây dựng, chất thải nguy hại, rác thải vệ sinh môi trường trên các tuyến đường đô thị.

4. Hàng hóa trong văn bản này gồm: hàng hóa thông thường, hàng nguy hiểm, hàng công-ten-nơ và hàng siêu trường, siêu trọng.

Điều 4. Yêu cầu chung đối với phương tiện hoạt động vận tải

1. Xe ô tô tham gia hoạt động vận tải phải bảo đảm đủ điều kiện về phương tiện tham gia giao thông đường bộ quy định đối với xe ô tô tại khoản 1 Điều 53 Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, lắp đặt camera theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP và khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP. Việc quản lý dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe ô tô tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

3. Các phương tiện kinh doanh vận tải được cấp phù hiệu, biển hiệu thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP và khoản 10, khoản 11, điểm a khoản 15 Điều 2 Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ BẰNG XE Ô TÔ TRONG ĐÔ THỊ

Điều 5. Vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định

1. Quy định đối với phương tiện

a) Xe ô tô buýt vận tải hành khách theo tuyến cố định phải đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP; Điều 29 Thông tư số

12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT và khoản 4 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

b) Có dụng cụ để gom rác thải của hành khách đi trên xe để chuyển đến vị trí quy định, không được để hành khách đi trên xe bỏ rác thải ra ngoài làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường đô thị.

2. Hành trình xe buýt trong đô thị:

Việc xác định hành trình và điều chỉnh hành trình của các tuyến xe buýt do Sở Giao thông vận tải quyết định sau khi có ý kiến đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt

a) Điểm đầu, điểm cuối tuyến xe buýt phải được bố trí ở nơi thuận lợi, bảo đảm an toàn giao thông, đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 30 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT và tuân thủ quy định về tổ chức giao thông trong đô thị.

b) Các thông tin quảng cáo tại các điểm đầu, điểm cuối, các nhà chờ xe buýt, phải thực hiện đúng các quy định hiện hành, đảm bảo mỹ quan.

4. Điểm dừng đón trả khách và nhà chờ xe buýt

a) Điểm dừng đón trả khách và nhà chờ xe buýt được xây dựng ở vị trí thuận lợi cho việc đi lại của hành khách; phải đáp ứng các quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 30 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 18/2024/TT-BGTVT ngày ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

b) Vị trí điểm dừng, nhà chờ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trên cơ sở Tờ trình của Sở Giao thông Vận tải và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

5. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách bằng xe buýt thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

6. Hoạt động của xe buýt trong đô thị

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 67, Điều 68, khoản 1 Điều 79 Luật Giao thông đường bộ và phải tuân thủ về tổ chức giao thông trong đô thị.

b) Công tác quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trong đô thị tuân thủ theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Điều 6. Vận tải hành khách theo tuyến cố định

1. Quy định đối với phương tiện: Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải đáp ứng các quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Điều 20 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT.

2. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định thực hiện theo các quy định tại Điều 67, Điều 68 Luật Giao thông đường bộ; Điều 4 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 41/2024/NĐ-CP; Mục 2 Chương IV Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT và khoản 2, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 1, khoản 4 Điều 2 Thông tư số 18/2024/TT-BGTVT.

3. Xe ô tô vận tải hành khách theo tuyến cố định phải chạy đúng lộ trình đã được công bố; được dừng, đón, trả khách tại bến xe đầu, cuối và các điểm dừng đón trả khách tuyến cố định dọc theo hành trình tuyến đã được công bố.

4. Xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định đi qua thành phố chỉ được hoạt động trên các tuyến đường vành đai, các tuyến quốc lộ, đường tỉnh trùng với đường đô thị; không thực hiện việc cấp phép cho xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định đi vào các đường phố nội đô.

5. Có biện pháp giữ gìn vệ sinh, bố trí thùng rác trên xe, không để hành khách vứt rác xuống lòng, lề đường.

Điều 7. Vận tải hành khách theo hợp đồng, du lịch

1. Quy định đối với phương tiện

Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, du lịch phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP; Điều 43 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT.

2. Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng, du lịch trong đô thị

a) Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng tuân thủ quy định tại Điều 67, Điều 68 Luật Giao thông đường bộ; khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5,

khoản 6 Điều 7 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 2, điểm a khoản 15 Điều 2 Nghị định số 41/2024/NĐ-CP.

b) Hoạt động vận tải khách du lịch bằng xe ô tô phải thực hiện các quy định tại Điều 67, Điều 68 Luật Giao thông đường bộ; khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 8 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2, điểm a khoản 15 Điều 2 Nghị định số 41/2024/NĐ-CP; Điều 45, Điều 46, Điều 47 Luật Du lịch số 09/2017/QH14; Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

c) Ngoài hoạt động cấp cứu người, phục vụ các nhiệm vụ khẩn cấp như thiên tai, địch họa theo yêu cầu của lực lượng chức năng, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, du lịch không được đón, trả khách ngoài các địa điểm ghi trong hợp đồng.

Điều 8. Vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Quy định đối với phương tiện

Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi phải đáp ứng được các quy định tại Điều 38 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT và khoản 3 Điều 2 Thông tư số 18/2024/TT-BGTVT.

2. Quy định về điểm dừng đón, trả khách, điểm đỗ xe taxi

a) Điểm dừng đón, trả khách công cộng cho xe taxi: phải đảm bảo an toàn giao thông và được báo hiệu bằng biển báo, vạch sơn kẻ đường theo quy định.

b) Điểm đỗ xe taxi: phải đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trong đô thị và không gây ùn tắc giao thông; đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường. Điểm đỗ do doanh nghiệp tổ chức xây dựng, quản lý và khai thác sau khi được Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chấp thuận. Điểm đỗ công cộng do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xây dựng và tổ chức quản lý sau khi thống nhất với Sở Giao thông vận tải.

3. Hoạt động của xe taxi trong đô thị

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 67, Điều 68 Luật Giao thông đường bộ; các quy định tại Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP.

b) Người lái xe taxi và hành khách đi xe có thể thỏa thuận vị trí đón, trả khách nhưng phải chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn giao thông, tổ chức giao thông đô thị.

c) Trong thời gian đỗ xe chờ đón khách, các xe chỉ được đỗ tại các điểm đỗ xe theo quy định.

d) Xe taxi được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách tại các bến xe, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch, địa điểm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại; được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị.

Điều 9. Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải

a) Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải là việc sử dụng xe ô tô có trọng tải từ 1.500 ki-lô-gam trở xuống để vận chuyển hàng hóa và người thuê vận tải trả tiền cho lái xe theo đồng hồ tính tiền hoặc theo phần mềm tính tiền trên xe.

b) Mặt ngoài hai bên thành xe hoặc cánh cửa xe niêm yết chữ "TAXI TẢI", số điện thoại liên lạc, tên đơn vị kinh doanh.

c) Thực hiện theo các quy định liên quan tại Điều 72, khoản 2, khoản 3 Điều 79 Luật Giao thông đường bộ; Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP; Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT.

2. Hoạt động vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng

a) Hoạt động vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng là việc sử dụng xe ô tô phù hợp để vận chuyển loại hàng có kích thước hoặc trọng lượng vượt quá giới hạn quy định nhưng không thể tháo rời.

b) Khi vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, lái xe phải mang theo Giấy phép lưu hành (Giấy phép sử dụng đường bộ) còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Trong trường hợp vận tải có lộ trình đi vào, ra đô thị thì lộ trình lưu thông trong đô thị phải được ghi rõ thông tin trong Giấy phép lưu hành xe; phải chấp hành các quy định về tổ chức giao thông đô thị tại địa phương (nếu có).

3. Hoạt động vận tải hàng nguy hiểm

a) Hoạt động vận tải hàng nguy hiểm là việc sử dụng xe ô tô để vận chuyển hàng hóa có chứa các chất nguy hiểm có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia.

b) Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng nguy hiểm phải có Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm do cơ quan có thẩm quyền cấp; phải gắn thiết bị giám

sát hành trình; phải đáp ứng đủ điều kiện, năng lực về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

c) Phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm phải dán biểu trưng hàng hóa nguy hiểm. Nếu trên một phương tiện có nhiều loại hàng hóa nguy hiểm khác nhau thì phương tiện phải dán đủ biểu trưng các loại hàng hóa đó.

d) Xe vận chuyển hàng nguy hiểm không được dừng, đỗ ở nơi đông người, những nơi dễ xảy ra nguy hiểm.

4. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ

Hoạt động vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ là việc sử dụng xe đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc để vận chuyển công-ten-nơ.

5. Hoạt động vận tải hàng hóa thông thường bằng xe ô tô

a) Hoạt động vận tải hàng hóa thông thường là hình thức vận tải hàng hóa trừ các hình thức vận tải quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này. Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng các quy định tại Điều 46 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT.

b) Hàng hóa trên xe phải xếp gọn gàng và chằng buộc chắc chắn bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

c) Nếu vận chuyển hàng rời phải được che đậy kín, không để rơi, vãi xuống đường. Trường hợp để rơi, vãi xuống đường thì người vận tải phải có trách nhiệm khắc phục, thu dọn và đồng thời có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra tai nạn giao thông, gây ô nhiễm môi trường.

6. Phạm vi hoạt động vận tải hàng hóa trong đô thị

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 67, Điều 72 Luật Giao thông đường bộ và các quy định tại Điều 9, Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định 41/2024/NĐ-CP.

b) Hoạt động đúng thời gian, đúng tuyến đường được quy định cho từng loại xe, trên cơ sở tuân thủ hiệu lệnh, chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ; phải đúng tuyến đường được quy định trong nội dung hợp đồng vận tải hàng hóa được ký với chủ hàng hoặc giấy vận tải; chấp hành đúng các quy định về tổ chức giao thông đô thị tại địa phương (nếu có).

c) Khi đỗ xe để xếp, dỡ hàng hóa phải đúng vị trí được phép đỗ xe và phải đảm bảo an toàn giao thông, tuân thủ các quy tắc về dừng xe, đỗ xe trên đường bộ và trên đường phố tại Điều 18, Điều 19 Luật Giao thông đường bộ.

d) Việc xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa phải đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong đô thị.

Điều 10. Hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường; vận chuyển vật liệu, chất thải từ hoạt động thi công xây dựng; vận chuyển chất thải nguy hại trong đô thị

1. Hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường; vận chuyển vật liệu, chất thải từ hoạt động thi công xây dựng

a) Phương tiện vận tải phải là các loại xe chuyên dùng hoặc có công năng phù hợp và phải đáp ứng các quy định tại Điều 53, Điều 72 Luật Giao thông đường bộ.

b) Rác thải, chất thải, vật liệu xây dựng trên xe phải được che phủ kín, không để rơi, vãi xuống đường. Trường hợp để rơi, vãi xuống đường thì người vận tải phải có trách nhiệm khắc phục, thu dọn ngay và đồng thời có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra tai nạn giao thông, gây ô nhiễm môi trường.

c) Việc vận chuyển chất thải trong sinh hoạt, chất thải lỏng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp, bảo đảm không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường.

d) Chỉ được bốc xếp vật liệu xây dựng; thu gom chất thải, rác thải tại các vị trí đảm bảo an toàn giao thông, có biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường và không gây ô nhiễm.

2. Hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại

a) Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật, đáp ứng các quy định tại Điều 53, Điều 72 Luật Giao thông đường bộ. Thiết bị chuyên dùng của phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải đáp ứng các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và các yêu cầu của Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

b) Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải gắn thiết bị giám sát hành trình; có các thùng kín chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, bảo đảm không phát tán ra môi trường, không gây rò rỉ chất thải ra bên ngoài.

c) Xe vận chuyển chất thải nguy hại không được dừng, đỗ ở nơi đông người, những nơi dễ xảy ra nguy hiểm. Khi vận chuyển chất thải nguy hại trong đô thị chỉ được lưu thông theo lộ trình đã được cơ quan quản lý đường bộ cho phép.

d) Tổ chức, cá nhân vận chuyển chất thải nguy hại phải có Giấy phép vận chuyển thu gom chất thải nguy hại do cơ quan có thẩm quyền cấp; phải bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện, năng lực về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Thời gian, phạm vi hoạt động các loại xe vận tải phục vụ vệ sinh môi trường, xe ô tô vận chuyển chất thải thông thường, chất thải nguy hại; xe ô tô vận chuyển vật liệu, chất thải trong hoạt động thi công xây dựng trong đô thị phải tuân thủ các quy định có liên quan tại Điều 11 của Quy định này.

4. Việc xếp dỡ, vận chuyển thu gom rác thải phải đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường trong đô thị.

Điều 11. Thời gian, phạm vi hoạt động cụ thể cho một số loại xe

1. Phương tiện vận tải hành khách

a) Xe taxi và xe ô tô vận tải hành khách theo hợp đồng, du lịch được hoạt động 24/24 giờ trên tất cả các tuyến đường trong đô thị, trừ những tuyến đường có lắp đặt biển báo đường cấm theo quy định. Xe buýt và xe ô tô vận tải hành khách theo tuyến cố định được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến cố định đã được công bố.

b) Ngoài ra, đối với xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi và xe ô tô khách giường nằm có kích thước giới hạn tương đương với ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi phải tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị.

2. Phương tiện vận tải hàng hóa

a) Loại phương tiện có khối lượng chuyên chở cho phép (xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) từ 1,5 tấn trở xuống được hoạt động 24/24 giờ.

b) Loại phương tiện có khối lượng chuyên chở cho phép từ trên 1,5 tấn: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức lắp đặt biển báo cấm (thời gian hoạt động, đoạn đường, tuyến đường) cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Xe ô tô phục vụ vệ sinh môi trường: Thực hiện theo Khoản 4 Điều 79 Luật Giao thông đường bộ và được lưu thông trên các đường đô thị trong khoảng thời gian sau:

Mùa đông: từ 18 giờ 00 phút ngày hôm trước đến 06 giờ 00 phút ngày hôm sau.

Mùa hè: từ 19 giờ 00 phút ngày hôm trước đến 05 giờ 00 phút ngày hôm sau.

4. Các loại xe phục vụ mục đích công cộng: Xe thư báo, xe bảo trì, sửa chữa hệ thống báo hiệu đường bộ, điện lực, hệ thống chiếu sáng, trang trí, viễn thông, xe sửa chữa ống nước, chăm sóc cây xanh trong đô thị được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị; trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

5. Hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm, chất thải nguy hại phải tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; chỉ được phép lưu thông theo lộ trình, thời gian nhất định được quy định trong Giấy phép lưu hành xe (trong đô thị) do cơ quan có thẩm quyền cấp; lộ trình lưu thông hạn chế đi qua khu vực đô thị, khu đông dân cư. Thời gian hoạt động từ 22 giờ 00 phút ngày hôm trước đến 06 giờ 00 phút ngày hôm sau; trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Sở Giao thông vận tải

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức quản lý và duy trì hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt theo quy định.

2. Chỉ đạo Phòng An toàn giao thông phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố rà soát, điều chỉnh hoặc bổ sung hệ thống báo hiệu giao thông trong đô thị cho phù hợp với quy định này.

3. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra tăng cường công tác kiểm tra và xử lý các vi phạm trong hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động vận tải theo quy định này. Kiến nghị, bổ sung, điều chỉnh các quy định để hoạt động vận tải phục vụ tốt nhu cầu đi lại, góp phần phát triển kinh tế xã hội các đô thị.

5. Chủ trì, phối hợp Công an tỉnh và các ngành chức năng liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện.

Điều 13. Công an tỉnh

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã thành phố trong công tác tổ chức giao thông, bảo đảm an toàn giao thông trong đô thị và các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh.

2. Kiểm tra, xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông trong hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị theo quy định.

3. Hàng tháng thông báo kết quả xử lý các trường hợp vi phạm của lái xe trong hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị trên địa bàn tỉnh về Sở Giao thông Vận tải.

Điều 14. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

1. Triển khai quy định này và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tình trạng hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị thuộc quyền quản lý.

2. Quy hoạch điểm dừng đón trả khách; nhà chờ xe buýt, điểm đỗ xe taxi công cộng tại địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng lắp đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ theo quy định đối với các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

4. Quy định cụ thể vị trí, số lượng, diện tích và thời gian tiếp nhận rác thải lên xe, bảo đảm vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và trật tự an toàn giao thông;

5. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị.

6. Hàng năm đánh giá tình hình hoạt động vận tải trong đô thị, kiến nghị sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) các nội dung liên quan cho phù hợp với điều kiện của huyện, thị xã, thành phố (đề nghị gửi về Sở Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 01 năm sau).

Điều 15. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoặc liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ bằng xe ô tô trong đô thị

1. Thực hiện hoạt động vận tải theo đúng quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý lái xe chấp hành đúng quy định về lịch trình, hành trình và điểm dừng, đỗ khi hoạt động trong đô thị.

3. Rà soát, điều chỉnh giá cước xe buýt theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 và biến động của thị trường.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo, phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.